

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 02 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						305 237	169 013	134 762			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						37 157	35 284	1 873			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>14 042</i>	<i>13 918</i>	<i>124</i>			
1		KDT MIỀN BẮC	01/02	299/02	07/02	TRƯỜNG NGUYỄN 135-01	CẨM 5A.1	4 150	4 043	107	04/02	BAUXIT	
2		KDT MIỀN BẮC	01/02	299/02	07/02	TRƯỜNG NGUYỄN 135-01	CỤC 4A.2	4 000	3 996	5	04/02	BAUXIT	
3		KDT MIỀN BẮC	01/02	298/02	07/02	TRƯỜNG NGUYỄN 135-01	CẨM 5A.1	4 350	4 349	1	04/02	BAUXIT	
4		XDCN MỎ	03/02	311/02	10/02	BN 2005	BÚN 3B	1 542	1 530	12	04/02	TD	
		<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<i>23 115</i>	<i>21 366</i>	<i>1 749</i>			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	04/02	88-B/02		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 5A.10	20 770	20 232	538	RÓT DỖ	HỘ LỚN	THAY 88/02
2		ĐTTM&DV	04/02	336/02	11/02	BN 1798	BÚN 3B	1 345	1 134	211	RÓT DỖ	TD	
3		VTT	04/02	326/02	11/02	BN 0937	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>											
		<u>Tàu chuyển tải</u>						119 950	75 844	44 106			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<i>93 750</i>	<i>75 844</i>	<i>17 906</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	24/01	60/01		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 000	43 399	2 601	RÓT DỖ	HỘ LỚN	TTCO: 25.198,82 - KVCP: 6.000 - TTHG: 15.000
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	27/01	69/01		VIỆT THUẬN 235	CẨM 5A.10	22 750	19 470	3 280	RÓT DỖ	HỘ LỚN	CLM: 20.000 - KVDB: 2.750
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	29/01	71/01		VIỆT THUẬN 235-02	CẨM 6A.10	25 000	12 975	12 025	RÓT DỖ	HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - CLM: 5.000 KVCP: 12.000
		<i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i>						<i>26 200</i>		<i>26 200</i>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	26/01	68/01		TRƯỜNG NGUYỄN SKY	CẨM 6A.10	26 200		26 200		HỘ LỚN	KDTCP: 8.000 - CLM: 5.000 - KVCP: 13.200
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	02/02	89/02		VIỆT THUẬN STAR	CẨM 6A.1	42 000		42 000		HỘ LỚN	TTCO: 27.000 - TTHG: 15.000
3		ĐIỆN VŨNG ÁNG	02/02	87/02		VIỆT THUẬN 235-06	CẨM 5A.14	22 400		22 400		HỘ LỚN	KDTCP: 9.000 - TTHG: 8.400 - CLM: 5.000
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	02/02	86/02		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CẨM 5A.10	23 300		23 300		HỘ LỚN	CLM: 19.000 - KVDB: 4.300
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						17 122	8 368	8 754			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>6 480</i>	<i>6 147</i>	<i>333</i>			
1		SÔNG HỒNG	02/02	278/01	09/02	NB 8127	CỤC 1B	1 045	1 034	11	04/02	TD	NGUỒN ĐN-CS
2		DVVT QUẢNG NINH	02/02	303/02	09/02	NB 2566	CẨM 8A	1 650	1 635	15	04/02	TD	NGUỒN CS
3		SXTM THAN ƯƠNG BÍ	03/02	325/02	10/02	BG 0668	CẨM 8A	1 985	1 982	3	04/02	TD	NGUỒN ĐN-CS
4		TNV HẢI DƯƠNG	03/02	324/02	10/02	HP 6123	CẨM 8A	1 800	1 496	304	04/02	TD	NGUỒN ĐN-CS
		<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						<i>5 650</i>	<i>2 222</i>	<i>3 428</i>			
1		DVVT QUẢNG NINH	03/02	320/02	10/02	HP 6124	CẨM 8A	1 700	1 319	381	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-CS
2		HÀNG HẢI VN	03/02	315/02	10/02	HP 6131	CẨM 8A	1 800	903	897	RÓT DỖ	TD	NGUỒN ĐN-CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 02 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
3		ĐTTM&DV	03/02	313/02	10/02	BN 0679	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	NGUỒN ĐN-CS
4		THAN MIỀN TRUNG	04/02	333/02	11/02	HN 2089	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
		Tàu đã làm lệnh						4 992		4 992			
1		VTT	03/02	315/02	10/02	BN 1135	CỤC 1A	910		910		TD	NGUỒN ĐN-CS
2		SÔNG HỒNG	04/02	328/02	11/02	BN 2112	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
3		TRƯỜNG ANH 888	04/02	329/02	11/02	BN 0719	CỤC 1B	1 162		1 162		TD	NGUỒN ĐN-CS
4		CROMIT	04/02	327/02	11/02	BN 2212	DON 8C	1 920		1 920		TD	NGUỒN TTCO
III		KHO BẢO NGUYỄN						4 084	-	4 084			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						2 368		2 368			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	02/02	85/02	16/02	TĐ 03-VT	CÁM 5A.14	2 368		2 368		HỘ LỚN	THAY 81/02
		Tàu đã làm lệnh						1 716		1 716			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	04/02	90/02	19/02	QN 4113	CÁM 5B.14	1 716		1 716		HỘ LỚN	
IV		KHO CẢNG KM6						19 462	12 517	6 945			
		Tàu đã làm hàng						12 627	12 517	110			
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	03/02	312	10/02	HẢI ĐĂNG 666 (BN 2642)	CÁM 5A.1	2 080	2 008	72	04/02	BAUXIT	
2		NHÔM ĐẮK NÔNG	03/02	312	10/02	HẢI ĐĂNG 666 (BN 2642)	CỤC 4A.2	1 750	1 737	13	04/02	BAUXIT	
3		KDT MIỀN BẮC	03/02	323	13/02	NB 8348	CÁM 5B.1	2 360	2 350	10	04/02	PTCB	
4		KDT MIỀN BẮC	03/02	245	13/02	BN 2332	CÁM 5A.1	1 937	1 928	9	04/02	PTCB	GIA HẠN L1
5		KDT HẢI PHÒNG	04/02	335	14/02	HD 3833	CÁM 5B.1	2 300	2 296	4	04/02	PTCB	
6		CROMIT	04/02	331	14/02	QUANG TRUNG 79	CÁM 5B.1	2 200	2 197	3	04/02	PTCB	
		Tàu dự kiến rút trong ngày						6 835		6 835			
1		NHÔM LÂM ĐỒNG	04/02	330	11/02	HOÀNG ANH 688 (BN 2886)	CÁM 5A.1	2 400		2 400		BAUXIT	
2		NHÔM LÂM ĐỒNG	04/02	330	11/02	HOÀNG ANH 688 (BN 2886)	CỤC 4A.2	1 850		1 850		BAUXIT	
3		KDT MIỀN BẮC	04/02	334	14/02	BN 2728	CÁM 6B.1	2 585		2 585		PTCB	
		Tàu đã làm lệnh											
V		TÀU XUẤT KHẨU						88 000	25 000	63 000			
		Tàu đã làm hàng						25 000	25 000				
1		NHẬT BẢN	29/01	05/01/XK		HPC GOLD	CÁM 3B.1	25 000	25 000		05/02		
		Tàu dự kiến rút trong ngày						25 000		25 000			
1		NHẬT BẢN	31/01	07/01/XK		HD SUN	CÁM 3B.1	25 000		25 000			
		Tàu đã làm lệnh						38 000		38 000			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 04 THÁNG 02 NĂM 2026

[illegible]